

**Xy lanh trượt mini**  
**DGSL-8- -**  
Số bộ phận: 543904

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 10 mm...80 mm                                                                                                                                                                                              |
| Ø pít tông                                            | 10 mm                                                                                                                                                                                                      |
| Chế độ hoạt động của bộ truyền động                   | Ách                                                                                                                                                                                                        |
| Đệm                                                   | Các vòng / tấm đệm ngăn, đàn hồi ở cả hai bên<br>không có đệm<br>Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu<br>Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai bên với điểm dừng cố định<br>Bộ giảm chấn cấp tiến hai bên |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                                                                                                                                                                     |
| Dẫn hướng                                             | Dẫn hướng lồng cầu                                                                                                                                                                                         |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Ách<br>Pít tông<br>Cần piston<br>Ổ trượt                                                                                                                                                                   |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                                                                                                                                                                       |
| Áp suất vận hành                                      | 0.15 MPA...0.8 MPA<br>1.5 bar...8 bar                                                                                                                                                                      |
| Tốc độ tối đa                                         | 0.8 m/s                                                                                                                                                                                                    |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                                                                                                                                                               |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                                                                                       |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                                                                                              |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 0 - không ứng suất ăn mòn                                                                                                                                                                                  |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                                                                                                                          |
| Loại phòng sạch                                       | Loại 7 theo ISO 14644-1                                                                                                                                                                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | 0 °C...60 °C                                                                                                                                                                                               |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 40 N                                                                                                                                                                                                       |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 47 N                                                                                                                                                                                                       |
| kết nối thay thế                                      | xem bản vẽ sản phẩm                                                                                                                                                                                        |
| Kiểu gắn                                              | với lỗ xuyên                                                                                                                                                                                               |
| Cổng nối khí nén                                      | M3                                                                                                                                                                                                         |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                                              |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn                                                                                                                                                                                           |
| Vật liệu của phốt                                     | HNBR                                                                                                                                                                                                       |
| Vật liệu vỏ                                           | Hợp kim nhôm rèn                                                                                                                                                                                           |

| Đặc tính              | Giá trị                   |
|-----------------------|---------------------------|
| Vật liệu thanh piston | thép không gỉ hợp kim cao |